TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/ HNGĐ- ST
Ngày 4/9/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạn

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Phú- Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2025/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mạc Văn M, sinh ngày 28/11/1971. Số CCCD: 030071004182, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC cấp ngày 30/12/2022.

Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh ngày 03/7/1974. Số CCCD: 030174014894, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC cấp ngày 11/8/2021.

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố H.

Anh M và chị L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh chị kết hôn ngày 24 tháng 3 năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh H(nay là UBND phường L, thành phố H). Trước khi kết

hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn.

Theo anh M, thời gian vợ chồng anh chị sinh sống với nhau thời gian dài nhưng mâu thuẫn thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, cứ nói hay bàn chuyện gì là xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Tuy vậy, anh chị vẫn sinh sống cùng nhau để nuôi dậy con cái trưởng thành. Đến khoảng năm 2024, do anh M đi làm, có thua lỗ, gây thất thoát kinh tế gia đình. Chị L tỏ thái độ trì triết, coi thường. Anh chị ở chung một nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng. Anh có hỏi nhưng chị L không trả lời. Trong khi đó, chị L bỏ đi đâu đó cả đêm, anh và con có theo định vị trên điện thoại chờ chị L thì không thấy, không nói rõ bệnh gì, chữa trị ở đâu. Hiện tại, con cái của anh chị đã trưởng thành, ở nhà chỉ có anh và chị L nhưng chị L không nói chuyện với anh, thể hiện rõ thái độ coi thường anh. Việc chị L trình bày anh có người phụ nữ khác là không đúng. Vì hiện tại, anh không có tiền, đã lớn tuổi nên không ai theo anh và bản thân anh cũng không muốn phá vỡ gia đình. Nhưng cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, khó chịu, không có hạnh phúc. Chị L có nói là giờ chị L tự do, thích đi đâu làm gì là tùy ý, anh không can thiệp được. Chị L không tôn trọng và coi anh là chồng, không chăm lo cơm nước hàng nước. Mọi sinh hoạt trong gia đình là việc ai người đó làm, cơm ai người đó ăn, sống rất lạnh nhạt với nhau. Cả ngày anh chị không trò chuyện cùng nhau, việc về phía gia đình nhà ai thì người đó lo. Anh thấy như vậy không còn là gia đình. Nay anh không chấp nhận cuộc sống như vậy nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị L.

Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2018. Nguyên nhân là do khoảng thời gian đó, chị đi lao động ở nước ngoài, chị có phát hiện anh M có người phụ nữ khác nhưng vì thương con nên chị bỏ qua để hai bên tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2023, anh M làm ăn thua lỗ và dấu hiệu tự kỷ vì suốt ngày anh M chỉ ở nhà, không đi ra ngoài. Rồi anh M bị ốm, phải đi viện mổ thận, chị cũng đi chăm sóc. Đến cuối năm 2024, anh M khỏe đi làm, tiền nong anh tự cầm và chị cùng các con có phát hiện anh M có người phụ nữ khác. Anh M vẫn đi làm, thường xuyên về thăm nhà và việc anh M làm đơn ly hôn không trao đổi gì với chị. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh M. Trường hợp sau khoảng thời gian, anh M đi chơi bời chán ở ngoài và biết lỗi của mình thì quay về, chị và các con vẫn chấp nhận. Chị đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ anh chị và không đồng ý ly hôn anh M.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung, là Mạc Thị Vân A, sinh năm 1995; Mạc Thị Ngọc H, sinh năm 1997; Mạc Quý V, sinh năm 2006. Hiện các con đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên khi ly hôn anh chị không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai H- mẹ đẻ anh L thể hiện: Quá trình anh M và chị L sinh sống đến năm 2023, anh M chị L có đầu tư kinh doanh nhưng bị thua lỗ nên anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Chị L hay đi ra ngoài và ít khi ở nhà. Anh M ở nhà một mình thời gian dài mới đi tìm việc làm. Anh M xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L. Nay anh M xin ly hôn chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tổ dân phố T, phường L thể hiện: Theo thông tin từ cơ sở dân cư thì anh M và chị L có mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, tính cách và trong việc chi tiêu kinh tế gia đình. Anh M xin ly hôn chị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh M và chị L đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, cho anh Mạc Văn M được ly hôn với chị Vũ Thị L. Về con chung: Không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Mạc Văn M phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Mạc Văn M khởi kiện xin ly hôn đối với chị Vũ Thị L có địa chỉ cư trú tại phường A, thành phố C(nay là phường L, thành phố H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh M, chị L đều được triệu tập hợp lệ, đều vắng mặt. Anh M có đơn xin xử vắng mặt, chị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh M, chị L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mạc Văn M và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian dài sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì lý do kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh chị chung sống một nhà nhưng ly thân, không trò chuyện, quan tâm gì đến nhau. Chị L cho rằng anh M không chung thủy nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ. Chị L không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng không tham gia tố tụng tại các phiên hòa giải do Tòa án triệu tập, là chỉ thể hiện nhằm gây khó khăn cho anh M khi ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, bỏ mặc, không còn quâm gì đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận anh M được ly hôn chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 03 con chung, là Mạc Thị Vân A, sinh ngày 07/11/1995; Mạc Thị Ngọc H, sinh ngày 28/4/1997; Mạc Quý V, sinh ngày 28/02/2006. Hiện các con đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Anh Mạc Văn M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 238, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mạc Văn M.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mạc Văn M ly hôn chị Vũ Thị L.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh Mạc Văn M phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002743 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Chí Linh, tỉnh Hải Dương(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, thành phố Hải Phòng).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9- Hải Phòng;
- UBND phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng)(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Phòng THADS khu vực 9- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương